

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH THỦY
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 44/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 28 - 9 - 2021

V/v tranh chấp “Hôn nhân và gia đình”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Phạm Thị Hồng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thành Lâm**

Ông **Đoàn Hồng Canh**

- Thư ký phiên toà: Ông **Lê Anh Xuân Ngọc**, là Thư ký của Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà **Trần Hồng Hạnh** - Kiểm sát viên

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2021. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2021 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Kiều Thị P**, sinh năm 1983; Địa chỉ: Khu 4, xã B, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. (Có đơn xin xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Bùi Văn T**, sinh năm 1980; Địa chỉ: Khu 4, xã B, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện và lời khai tiếp theo - Nguyên đơn là chị Kiều Thị P trình bày:**

- Về hôn nhân: Chị với anh **Bùi Văn T** tự nguyện kết hôn vào ngày 23/7/2012 có đăng ký tại UBND xã B, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng ăn ở cùng nhau tại nhà của bố anh T. Tình cảm vợ chồng bước đầu hòa thuận hạnh phúc. Vài năm trở lại đây thì vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm và xảy ra cãi nhau. Gần đây nhất là vào tháng 7/2021 thì lại xảy ra xích mích, anh T đã tát chị 01 cái. Từ đó đến nay vợ chồng không còn quan hệ tình cảm với nhau nữa. Hiện tại chị đã về nhà ngoại sinh sống, vợ chồng ly thân nhau. Ngoài ra trong cuộc sống anh T chỉ mãi chơi bời không quan tâm đến vợ con cũng như làm ăn kinh tế gia đình, bản thân anh T đã từng bị bắt và xét xử về tội đánh bạc. Sau những lần mâu thuẫn xảy ra thì chị đã cố gắng hòa giải và bỏ qua để xây dựng hạnh

phụ gia đình. Tuy nhiên đến nay anh T không có sự thay đổi. Chị P xác định tình cảm vợ chồng đã hết, quan hệ hôn nhân không hàn gắn được nên chị đề nghị được ly hôn anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Phương Th, sinh ngày 12/4/2013. Hiện cháu đang ở cùng chị P. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi cháu Th. Chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, cho vay, nợ chung, công sức đóng góp: Chị P không yêu cầu giải quyết.

*** *Tại biên bản lấy lời khai và lời khai tiếp theo - Bị đơn là anh Bùi Văn T trình bày:***

- Về hôn nhân: Anh T xác định về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn đúng như chị Kiều Thị P trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng ăn ở cùng nhau tại nhà của bố anh. Tình cảm vợ chồng bước đầu hòa thuận hạnh phúc. Vài năm trở lại đây thì vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do thường ngày anh đi làm về thì hay nghe thấy những người trong gia đình anh chỉ trích chị P nên anh cũng đã trách móc chị về việc đối nhân xử thế; từ đó vợ chồng dẫn đến cãi nhau. Thời gian gần đây nhất là vào tháng 7/2021 thì vợ chồng không hòa hợp nhau trong cách sống nên hai bên đã lại xảy ra cãi nhau, anh có tát chị P 01 cái thì chị P đòi ly hôn nên anh bảo chị P viết đơn ra Tòa để giải quyết. Từ đó đến nay vợ chồng không còn quan hệ tình cảm với nhau nữa. Hiện chị P đã bỏ về nhà ngoại sinh sống. Đến nay anh thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh mong muốn được đoàn tụ vợ chồng để nuôi dạy con chung.

- Về con chung: Anh T xác định vợ chồng có 01 con chung đúng như chị Kiều Thị P trình bày. Trước vợ chồng anh cho cháu ra ở nhà bà ngoại chơi mấy hôm, đến khi chị P bỏ về nhà ngoại thì giữ cháu ở đó luôn. Nếu ly hôn xảy ra anh đề nghị được nuôi cháu Th. Anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, cho vay, nợ chung, công sức đóng góp: Anh T không yêu cầu giải quyết.

*** *Phát biểu của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy tại phiên tòa (có bài phát biểu lưu trong hồ sơ):***

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành các quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Kiều Thị P.

Về hôn nhân: Cho chị P được ly hôn anh T.

Về con chung: Giao cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Phương Th, sinh ngày 12/4/2013. Anh T không phải cấp dưỡng

nuôi con chung và có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở;.

Về tài sản và công nợ chung: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này do các bên không yêu cầu. Tuy nhiên sau khi ly hôn, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác nếu có yêu cầu.

Về án phí: Chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các đương sự cung cấp và được thẩm tra công khai tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục Tố tụng:

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều đã có lời khai, được tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án. Tuy nhiên khi Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điểm b, Khoản 2, Điều 227 và Khoản 1,3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

2. Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Kiều Thị P kết hôn với anh Bùi Văn T vào ngày 23/7/2012, việc kết hôn là tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã B, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, đây là một hôn nhân hợp pháp. Chị P xác định quá trình chung sống đã xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm và xảy ra cãi nhau, bản thân anh T sống buông thả dẫn đến phạm tội đánh bạc. Hiện vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn; anh T xác định cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn, nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị P nên đề nghị được đoàn tụ vợ chồng để nuôi dạy con chung.

Xét thấy quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng sau đó chị P đã có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nữa vì cho rằng mâu thuẫn đã lên đến đỉnh điểm mà không thể giải quyết được và giữ nguyên quan điểm ly hôn anh T. Ngược lại anh T xin đoàn tụ nhưng không thực hiện biện pháp nào hòa giải vợ chồng và hàn gắn tình cảm. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã B nơi anh T và chị P sinh sống xác định cuộc sống vợ chồng giữa anh T và chị P đã xảy ra mâu thuẫn, hiện tại vợ chồng sống ly thân, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án ly hôn để đảm bảo quyền và lợi ích cho các đương sự, bảo đảm quyền lợi cho người phụ nữ và trẻ em. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị P đã trầm trọng, đời sống chung trong thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã sống ly thân, hai bên không có biện pháp hàn gắn tình cảm. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị P, xử cho chị P được ly hôn anh T là phù hợp.

[2] Về con chung: Chị P anh T có một con chung là cháu Bùi Phương Th, sinh ngày 12/4/2013. Hiện cháu đang ở với chị P, khi ly hôn chị P đề nghị được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Trong trường hợp ly hôn, anh T cũng đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

Việc anh T, chị P đề nghị được nuôi con chung, đây là nguyện vọng chính đáng.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Về điều kiện nuôi con thì hiện tại chị P và anh T đều trình bày có công việc, thu nhập và chỗ ở đủ điều kiện để nuôi con. Tuy nhiên hiện tại cháu Th đang ở ổn định với chị P, mặt khác cháu Th là con gái lại đang trong độ tuổi hình thành nhân cách, tâm lý và sinh lý do đó sự gần gũi chia sẻ của người mẹ trong giai đoạn này là rất cần thiết; theo lời khai thì nguyện vọng của cháu Th muốn được ở với mẹ. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã B xác định việc anh T và chị P có tranh chấp về con chung là do nguyện vọng muốn được nuôi con của người làm cha, làm mẹ. Ủy ban nhân dân xã B đề nghị Tòa án khi giải quyết cần bảo đảm quyền lợi của người phụ nữ và trẻ em.

Như vậy, từ những nhận định trên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị P, giao cháu Th cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh thực tế, phù hợp với nguyện vọng và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị P không yêu cầu.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Chị P và anh T đều không yêu cầu giải quyết vì vậy không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[4] Về án phí: Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 4, Điều 147; Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. **Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Kiều Thị P được ly hôn anh Bùi Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Kiều Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Phương Th, sinh ngày 12/4/2013, kể từ khi quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh T chấm dứt cho đến khi cháu Th thành niên.

Anh Bùi Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành

án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Tuy nhiên sau khi ly hôn, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác nếu có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Kiều Thị P phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2019/0002818 ngày 05/8/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện TT;
- UBND xã B;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Hồng